

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-ST

Ngày: 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Nam.
2. Bà Hàn Hòa Thuận.
3. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2020/TLST-HS ngày 21/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1703/2020/QĐXXST-HS ngày 17/4/2020 và tuyên án vào ngày 13/5/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng S; sinh ngày: 09/02/1971, tại thành phố H; nơi thường trú: 64 đường H, phường D, quận H, thành phố H; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Võ Thị C (1949); có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tại Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 15/01/2020.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 22/11/2018 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Văn T - Luật sư của Văn phòng Luật sư CT thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

Bị hại: Ông Dương Quang K, sinh năm: 1961.

HKTT: 388 đường A, phường D, quận E, thành phố H.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Vạn N, sinh năm: 1957.

HKTT: 319/5 đường CĐ, phường A, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 875/15F đường T, phường A, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng S thông qua đối tượng tên Giang Ngọc M (chưa rõ lai lịch), biết Trần Tú N1 có nhu cầu làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) mang tên Trần Tú N1 để Trần Tú N1 mang đi thế chấp vay tiền của người khác. Nguyễn Hoàng S nhận của Trần Tú N1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH000714 đối với căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thuộc sở hữu của ông Phan H1 bản phô tô để làm giả giúp Trần Tú N1 với giá 20.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Hoàng S liên hệ với đối tượng tên H2 (không rõ lai lịch) để làm giả giấy tờ trên và được đối tượng H2 cho tiền hoa hồng 1.000.000 đồng.

Sau khi Trần Tú N1 nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH000714 đối với căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Tú N1 tiếp tục liên lạc với Nguyễn Hoàng S đề nghị làm giả thêm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR826356 đối với căn nhà 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng S không nhận làm mà cho Trần Tú N1 số điện thoại của đối tượng H2 để cho Trần Tú N1 tự liên hệ với đối tượng H2.

Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) của hai căn nhà nêu trên, Trần Tú N1 tiếp tục liên hệ Nguyễn Hoàng S nhờ Nguyễn Hoàng S tìm người cho vay tiền để cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) vay tiền nếu được vay tiền, Trần Tú N1 sẽ cho Nguyễn Hoàng S tiền hoa hồng. Nguyễn Hoàng S đồng ý và thông qua ông Lâm Vạn N, Nguyễn Hoàng S biết được ông Dương Quang K có cho vay tiền và thế chấp tài sản nên Nguyễn Hoàng S đã giới thiệu cho Trần Tú N1 để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) để vay tiền.

Ngày 26/10/2017, Nguyễn Hoàng S giới thiệu Trần Tú N1 mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) đối với căn nhà 36/25D đường SVH, Phường L, quận E đến gặp ông Dương Quang K để thỏa thuận việc vay tiền. Sau khi xem giấy tờ, ông Dương Quang K đồng ý cho Trần Tú N1 vay số tiền 200.000.000 đồng, với thời hạn 12 tháng, theo “Hợp đồng vay tiền” được công chứng số 26102 ngày 26/10/2017 tại Phòng Công chứng số 2. Sau khi ký hợp đồng, ông Dương Quang K giao số tiền 200.000.000 đồng cho Trần Tú N1 tại phòng Công chứng. Đồng thời, Trần Tú N1 ký “Hợp đồng cố nhà ở hoặc cho thuê” để cầm cố cho ông Dương Quang K căn nhà và được thuê lại căn nhà 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Dương Quang K, giá thuê là 10.000.000 đồng/tháng, tương đương với lãi suất 5%/tháng, không có công chứng. Sau khi vay tiền xong, Trần Tú N1 cho Nguyễn Hoàng S 20.000.000 đồng tiền hoa hồng; Nguyễn Hoàng S chia số tiền này với ông Lâm Vạn N và các môi giới khác, nên chỉ hưởng lợi được 5.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2017, Trần Tú N1 mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) đối với căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành

phố Hồ Chí Minh cùng Nguyễn Hoàng S đến gặp ông Dương Quang K để thế chấp vay thêm số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi xem giấy tờ, ông Dương Quang K đồng ý cho Trần Tú N1 vay số tiền 200.000.000 đồng, với thời hạn 12 tháng theo “Hợp đồng vay tiền” được số 28013 ngày 16/11/2017 tại Phòng Công chứng số 2. Sau khi ký hợp đồng, ông Dương Quang K giao số tiền 200.000.000 đồng cho Trần Tú N1 tại phòng Công chứng. Đồng thời, Trần Tú N1 ký “Hợp đồng cố nhà ở hoặc cho thuê” để cầm cố cho ông Dương Quang K căn nhà và được thuê lại căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Dương Quang K, giá thuê là 10.000.000 đồng/tháng, tương đương với lãi suất 5%/tháng, nhưng không có công chứng. Sau khi vay tiền thành công, Trần Tú N1 cho Nguyễn Hoàng S 20.000.000 đồng tiền hoa hồng; Nguyễn Hoàng S chia số tiền này với ông Lâm Vạn N và các môi giới khác nên chỉ hưởng lợi được 5.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2017, Trần Tú N1 tiếp tục liên lạc với Nguyễn Hoàng S để nhờ Nguyễn Hoàng S liên hệ ông Dương Quang K vay thêm số tiền 200.000.000 đồng từ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã thế chấp từ trước cho ông Dương Quang K. Ông Dương Quang K tiếp tục đồng ý cho Trần Tú N1 vay thêm số tiền trên và ký hợp đồng vay tiền tại Phòng Công chứng số 2, theo “Hợp đồng vay tiền” số 31648. Sau đó, giữa ông Dương Quang K và Trần Tú N1 có ký lại “Hợp đồng cố nhà ở hoặc cho thuê” đối với căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê mới là 20.000.000 đồng. Do lần này Nguyễn Hoàng S chỉ là người chứng kiến việc vay thêm tiền nên Trần Tú N1 chỉ cho Nguyễn Hoàng S số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Tú N1 đã chiếm đoạt của ông Dương Quang K là 600.000.000 đồng.

Đến tháng 02/2018, do Trần Tú N1 không đóng tiền thuê nhà mỗi tháng và không liên lạc được với Trần Tú N1 nên ông Dương Quang K đến địa chỉ của 02 căn nhà mà Trần Tú N1 thế chấp để tìm Trần Tú N1, biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà của Trần Tú N1 dùng thế chấp vay là giả, nên đã làm đơn tố cáo Trần Tú N1 và Nguyễn Hoàng S gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận giám định số 1133 ngày 31/8/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: bản in, hình dấu, chữ ký trên 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR826356 và số BH000714 được làm giả bằng phương pháp in màu.

Tại Kết luận giám định số 475 ngày 22/02/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: dấu vân tay tại chữ ký mang tên “Trần Tú N1” dưới mục đại diện bên A trên các hợp đồng cố nhà ở hoặc cho thuê ngày 19/10/2017, ngày 20/11/2017 và ngày 16/12/2017 so với dấu vân tay của bà “Trần Tú N1” trên mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người”.

Xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh quận E: Nhà đất tại số 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh hiện tại do ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị M đứng tên chủ sở hữu. Hiện tại căn nhà trên ông Trần Minh T1 đang cho thuê, không quen biết và không cho bà Trần Tú N1 thuê.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh: Căn hộ số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phan H1 đứng tên chủ sở hữu, hiện tại chưa có thông tin biến động đối với căn hộ nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra xác minh, Nguyễn Hoàng S đang bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra quận E bắt giam ngày 22/11/2018 tại Trại tạm giam CH về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức”. Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hoàng S đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với lời khai của ông Dương Quang K và ông Lâm Vạn N.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR826356 của căn nhà 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 000714 của căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 Hợp đồng vay tiền số: 26102 ngày 26/10/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 26/10/2017, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 26/10/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1;

- 01 Hợp đồng vay tiền số: 28013 ngày 16/11/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 16/11/2017, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 16/11/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1;

- 01 Hợp đồng vay tiền số: 31648 ngày 23/12/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 23/12/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Dương Quang K yêu cầu Trần Tú N1 và Nguyễn Hoàng S trả lại số tiền 600.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSTC-P2 ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hoàng S thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt 01 năm đến 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Vạn N bồi thường cho ông Dương Quang K số tiền là 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S phải bồi thường cho ông Dương Quang K số tiền là 520.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo có trình độ học vấn thấp, bị cáo có con nhỏ và là đồng phạm giản đơn trong vụ án, nên đề nghị xử phạt bị cáo với mức án là 13 năm tù.

Bị hại Dương Quang K trình bày: Ông đã giao tiền cho Trần Tú N1 và Nguyễn Hoàng S ba lần tiền tổng cộng là 600.000.000 đồng, Trần Tú N1 đã trả cho ông 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Lâm Vạn N tự nguyện trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng, nên ông đồng ý căn trừ vào số tiền đã giao và yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng S phải hoàn trả là 600.000.000 đồng - 60.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 520.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lâm Vạn N trình bày: Ông không biết các Giấy chứng nhận mà Trần Tú N1 và Nguyễn Hoàng S đưa đến thế chấp để vay tiền với ông Dương Quang K là giấy giả. Ông tự nguyện hoàn trả lại cho ông Dương Quang K số tiền là 20.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng S không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng S tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Nguyễn Hoàng S đã giúp Trần Tú N1 làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cả hai căn nhà đều không phải của Trần Tú N1. Sau đó, Nguyễn Hoàng S giới thiệu cho Trần Tú N1 gặp bị hại Dương Quang K để thế chấp hai chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) trên vay tiền với tổng số tiền 600.000.000 đồng, rồi chiếm đoạt. Nguyễn Hoàng S được hưởng lợi số tiền 11.000.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Hoàng S là gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật

tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục đối với bị can và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với Trần Tú N1, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, ra lệnh bắt Trần Tú N1 để tạm giam. Tuy nhiên, do Trần Tú N1 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Điều tra đã ra quyết định truy nã và tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên H2 là người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Điều tra chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Lâm Vạn N không biết được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, mà Nguyễn Hoàng S và Trần Tú N1 đem thế chấp vay tiền của ông Dương Quang K nên không xem xét xử lý.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Hoàng S đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt quy định điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình từ hai lần trở lên nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về lượng hình: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân xấu do bị xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tại Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 5, nên cần phải xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Hoàng S có trách nhiệm bồi thường cho ông Dương Quang K số tiền là 520.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Vạn N tự nguyện hoàn trả cho ông Dương Quang K số tiền là 20.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR826356 căn nhà 36/25D Sư vạn hạnh, Phường 9, Quận 5; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 000714 căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E,

Thành phố Hồ Chí Minh, xét đây là các tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra được Cơ quan điều tra xác định là giấy tờ giả nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án;

- Đối với: 01 Hợp đồng vay tiền số: 26102 ngày 26/10/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 26/10/2017; 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 26/10/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1; 01 Hợp đồng vay tiền số: 28013 ngày 16/11/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 16/11/2017, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 16/11/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1; 01 Hợp đồng vay tiền số: 31648 ngày 23/12/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 23/12/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1, xét đây là các tài liệu thu thập trong quá trình điều tra nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 55; khoản 1 Điều 56; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng S** 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù của Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt cho cả hai bản án là 18 (mười tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR826356 căn nhà 36/25D đường SVH, phường L, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 000714 căn nhà số 1080 lầu 4, chung cư đường V, phường G, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 Hợp đồng vay tiền số: 26102 ngày 26/10/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 26/10/2017; 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 26/10/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1; 01 Hợp đồng vay tiền số: 28013 ngày 16/11/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng cố nhà ngày 16/11/2017, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 16/11/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1; 01 Hợp đồng vay tiền số: 31648 ngày 23/12/2017 tại Phòng công chứng số 2, 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 23/12/2017 giữa ông Dương Quang K ký với Trần Tú N1.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S bồi thường cho ông Dương Quang K số tiền 520.000.000 (năm trăm hai mươi triệu) đồng.

- Ghi nhận ông Lâm Vạn N tự nguyện bồi cho ông Dương Quang K số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Hoàng S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lâm Vạn N chưa thi hành khoản tiền như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm thi hành án quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bị cáo Nguyễn Hoàng S phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|-----|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Dương sự; | (2) |
| - Cục THS Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (22). | (7) |

Phạm Uyên Thy